

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 140/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Chung.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Lâm.**

2. Bà **Trần Thị Kim Phụng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Thoa** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 821/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Vương Thị Hồng D**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Trương Thanh V**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố E, phường F, thành phố G, tỉnh Bình Dương. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2018 và quá trình giải quyết, bà **Vương Thị Hồng D** là nguyên đơn trình bày:

Bà **D** và ông **Trương Thanh V** tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, thành phố G, tỉnh Bình Dương ngày 22/01/2007. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều

mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông V không có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp bà D trong việc chăm sóc con cái. Bà D đã nhiều lần tạo điều kiện cho ông V sửa đổi tính tình để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người đều có cuộc riêng, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Thanh V. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Trương Nhật M, sinh ngày 04/10/2007 và Trương Thị K, sinh ngày 27/08/2010, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 12/11/2018 và quá trình giải quyết, ông Trương Thanh V là bị đơn trình bày:

Ông V thống nhất với bà D về thời gian đăng ký kết hôn và con chung. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể giải quyết được. Vì vậy, ông V đồng ý ly hôn với bà D. Về con chung, ông V đồng ý giao 02 con chung là cháu Trương Nhật M, sinh ngày 04/10/2007 và Trương Thị K, sinh ngày 27/08/2010 cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông V không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12/11/2018, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngày 13/11/2018, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và xác định vẫn giữ yêu cầu ly hôn với ông V, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị Hồng D về việc ly hôn, tranh chấp về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn ông Trương Thanh V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 12/11/2018, bị đơn ông Trương Thanh V có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ngày 13/11/2018, nguyên đơn bà Vương Thị Hồng D có

đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Thị Hồng D và ông Trương Thanh V tự nguyện kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường F, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2007 ngày 22/01/2007 của Ủy ban nhân dân phường F, thành phố G, tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông V không có trách nhiệm với gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Từ năm 2014 đến nay, bà D và ông V đã không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn. Nay bà D vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông V. Về phía bị đơn thừa nhận trong quá trình chung sống, do quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng đã phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, không thể giải quyết được nên ông V đồng ý ly hôn với bà D.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà D và ông V đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết, bà D và ông V vẫn giữ ý kiến thống nhất ly hôn. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Vương Thị Hồng D đối với ông Trương Thanh V là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trương Nhật M, sinh ngày 04/10/2007 và Trương Thị K, sinh ngày 27/08/2010. Xét thấy, cháu M và cháu K hiện đang sống ổn định với bà D từ khi bà D và ông V không còn sống chung với nhau. Quá trình làm việc, cháu M và cháu K trình bày nguyện vọng được sống chung với mẹ ruột tên Vương Thị Hồng D trường hợp cha mẹ ly hôn. Đồng thời, bà D có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Ông V cũng đồng ý giao cháu M và cháu K cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, việc giao cháu Trương Nhật M và Trương Thị K cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị Hồng D đối với bị đơn ông Trương Thanh V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vương Thị Hồng D được ly hôn với ông Trương Thanh V.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trương Nhật M, sinh ngày 04/10/2007 và Trương Thị K, sinh ngày 27/08/2010 cho bà Vương Thị Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do bà D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Trương Thanh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Vương Thị Hồng D phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2016 - 0022832 ngày 18/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND phường Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Huỳnh Ngọc Chung